

ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT



MAI THANH SƠN

**PHÁP LUẬT VỀ CƠ CẤU, TỔ CHỨC
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN QUA THỰC TIỄN
TẠI THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

Chuyên ngành: Luật Kinh tế

Mã số: 8380107

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

Thừa Thiên Huế, năm 2021

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	1
1. Tính cấp thiết của việc nghiên cứu đề tài.....	1
2. Tình hình nghiên cứu đề tài.....	2
3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu đề tài	3
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....	3
5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu.....	3
6. Những đóng góp mới của đề tài	4
7. Kết cấu của đề tài	4
Chương 1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN PHÁP LUẬT VỀ CƠ CẤU, TỔ CHỨC CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN	6
1.1. Khái niệm và đặc trưng pháp lý về công ty cổ phần.....	6
1.1.1. Khái niệm về công ty cổ phần.....	6
1.1.2. Đặc trưng pháp lý về công ty cổ phần.....	6
1.2. Nội dung pháp luật về về cấu, tổ chức của công ty cổ phần.....	6
1.3. Pháp luật về cấu trúc quản trị nội bộ của các công ty cổ phần trên thế giới.....	8
1.3.1. Cấu trúc hội đồng một tầng (one-tier board model).....	8
1.3.2. Cấu trúc hội đồng hai tầng (two-tier board model).....	8
1.4. Các yếu tố ảnh hưởng đến pháp luật và thực thi pháp luật về cơ cấu tổ chức công ty cổ phần	9
Kết luận chương 1	9
Chương 2. THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VỀ CƠ CẤU, TỔ CHỨC CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG TẠI THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG	10
2.1. Thực trạng các quy định của pháp luật về tổ chức quản lý công ty cổ phần.....	10
2.1.1. Về Đại hội đồng cổ đông.....	10
2.1.2. Về Hội đồng quản trị.....	11
2.1.3. Về Giám đốc (Tổng Giám đốc).....	12
2.1.4. Về Ban kiểm soát	13

2.1.5. Đánh giá thực trạng quy định của pháp luật về cơ cấu, tổ chức của công ty cổ phần	14
2.2. Thực tiễn hoạt động Đại hội đồng cổ đông của công ty cổ phần tại thành phố Đà Nẵng	15
2.2.1. Thực tiễn hoạt động Hội đồng quản trị của công ty cổ phần tại Thành phố Đà Nẵng	16
2.2.2. Thực tiễn hoạt động của Giám đốc/ Tổng Giám đốc công ty cổ phần tại Thành phố Đà Nẵng.....	16
2.2.3. Thực tiễn hoạt động của Ban kiểm soát công ty cổ phần tại thành phố Đà Nẵng	16
2.3. Nguyên nhân của những vướng mắc về thực hiện pháp luật công ty cổ phần	16
Kết luận chương 2	18
Chương 3. ĐỊNH HƯỚNG, GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ CƠ CẤU, TỔ CHỨC QUẢN LÝ CTCP TẠI THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG	19
3.1. Định hướng hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện về tổ chức quản lý CTCP	19
3.2. Giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện về tổ chức quản lý CTCP	19
3.2.1. Giải pháp hoàn thiện pháp luật về cơ cấu, tổ chức công ty cổ phần.....	19
3.2.2. Giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện về tổ chức quản lý CTCP	21
Kết luận chương 3	21
KẾT LUẬN	22

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của việc nghiên cứu đề tài

Việt Nam đang trong giai đoạn hội nhập mạnh mẽ với các nước trong khu vực và quốc tế vì vậy nền kinh tế của đất nước đang có những thay đổi hết sức căn bản để đáp ứng nhu cầu hội nhập. Thành phần kinh tế tư nhân ngày càng phát triển, chiếm tỷ trọng lớn, linh động và làm quen dần với cạnh tranh quốc tế. Số lượng các công ty được thành lập ngày càng nhiều đáp ứng các nhu cầu của xã hội, tạo ra nhiều việc làm. CTCP (CTCP) là một mô hình kinh doanh điển hình nhất về loại công ty đổi vốn, ở đó các cổ đông góp vốn bằng cách mua cổ phần để trở thành đồng chủ sở hữu của công ty. Là loại hình đặc trưng của công ty đổi vốn, cấu trúc vốn của CTCP cũng rất linh hoạt, có thể đáp ứng được nhu cầu đa dạng của các nhà đầu tư. CTCP là hình thức tổ chức kinh doanh có khả năng huy động một số lượng vốn lớn ngấm chảy trong các tầng lớp dân cư, khả năng tích tụ và tập trung vốn với quy mô khổng lồ, có thể coi là lớn nhất trong các loại hình doanh nghiệp hiện nay. Có thể nói, cùng với quá trình đổi mới kinh tế đất nước là sự không ngừng ra đời và phát triển các loại hình doanh nghiệp, nhất là CTCP. Sự phát triển như vũ bão các loại hình doanh nghiệp đó đã kéo theo những tranh chấp trong và xung quanh doanh nghiệp.

Trước thực trạng đó, Quốc hội đã ban hành Luật doanh nghiệp (LDN) 2020 thay thế LDN 2014 để tạo ra sân chơi bình đẳng cho các thành phần kinh tế. Với việc ban hành LDN 2020, hệ thống cơ cấu, tổ chức của CTCP đã hình thành cơ bản các yếu tố đòn bẩy khuyến khích những người trong nội bộ doanh nghiệp; hạn chế những hành vi lợi dụng quyền hạn và chức vụ để thu lợi cho cá nhân tổn hại tới lợi ích chung; tạo điều kiện để những người trong nội bộ bao gồm cả chủ sở hữu thực hiện đầy đủ nhiệm vụ và quyền hạn của mình góp phần tiết kiệm chi phí, thực hiện được chỉ tiêu lợi nhuận và nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty.

LDN năm 2020 được coi là một bước đột phá mới về thể chế, có ý nghĩa hết sức quan trọng, vừa đã tiếp tục kế thừa, luật hóa những quy định còn phù hợp đã và đang đi vào cuộc sống của LDN 2014, đồng thời LDN năm 2020 đã sửa đổi, bổ sung nhiều quy định mới nhằm tháo gỡ những hạn chế, bất cập của luật cũ, tiếp tục tạo lập môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi, phù hợp với thông lệ quốc tế, tạo điều kiện thông thoáng cho các doanh nghiệp và nhà đầu tư được tự do kinh doanh.

Tuy nhiên, để CTCP giữ vững vai trò là trung tâm trong tiến trình phát triển kinh tế thị trường, để đảm bảo tư cách, quyền lợi cổ đông - một thành tố đóng vai trò nòng cốt trong CTCP là một trong những giải pháp góp phần thực hiện chủ trương xây dựng nền kinh tế theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Vì thế, việc phân tích hiệu ứng của LDN và các văn bản hướng dẫn thi hành đối với vấn đề cơ cấu, tổ chức của CTCP sẽ đưa ra nhìn nhận khách quan về những điểm tiến bộ cũng như còn hạn chế của Luật thông qua những phản ánh thực tế của thị trường. Từ đó, đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về cơ cấu, tổ chức của CTCP.

Với những lí do trên, học viên lựa chọn đề tài “*Pháp luật về cơ cấu, tổ chức của công ty cổ phần qua thực tiễn tại thành phố Đà Nẵng*” làm đề tài cho Luận văn Thạc sĩ luật học của mình.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Lĩnh vực pháp luật về các loại hình công ty nói chung và CTCP nói riêng luôn nhận được sự quan tâm chú ý của các nhà nghiên cứu luật học cũng như giới kinh doanh. Các công trình nghiên cứu về lĩnh vực này được thể hiện dưới nhiều hình thức khác nhau từ Luận án, Luận văn, Báo cáo và các bài đăng trên tạp chí nhưng còn nói chung và tổng quát.

Sách chuyên khảo

Cho đến nay, đã có một số công trình cấp độ Giáo trình, sách chuyên khảo có liên quan đến đề tài. Có thể kể đến như: sách chuyên khảo của Phó Giáo sư, Tiến sĩ Bùi Xuân Hải, *LDN: Bảo vệ cổ đông – pháp luật và thực tiễn*, Nxb Chính trị Quốc gia, năm 2011; PGS.TS Đỗ Văn Đại, *Bình luận khoa học những điểm mới của Bộ luật Dân sự 2015*, NXB. Hồng Đức; *Pháp luật Công ty cổ phần của tác giả Lưu Quốc Thái*, Nxb. Lao động, Tp. Hồ Chí Minh, 2018. Đa số công trình đều biên soạn trước khi LDN 2014, Luật DN 2020 được ban hành, do đó chưa cập nhật các quy định của pháp luật hiện hành. Tuy nhiên các giáo trình, sách chuyên khảo trên giúp cung cấp những kiến thức lý luận pháp luật khái quát là cơ sở để nghiên cứu pháp luật về CTCP.

Luận văn, luận án

Những đề tài nghiên cứu cấp độ luận văn thạc sỹ, luận án tiến sỹ liên quan đến đề tài có thể kể đến như:

Luận án tiến sỹ luật học “*Bảo đảm quyền cổ đông thiểu số trong mua bán, sáp nhập CTCP theo pháp luật Việt Nam*” của Cao Đình Lành (2014) Học viện Khoa học xã hội – Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

Luận văn “*Quản trị CTCP theo mô hình có Ban kiểm soát theo LDN 2014*” Nguyễn Nữ Huyền (2016), Học viện Khoa học xã hội, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam; luận văn đã làm sáng tỏ hơn một số vấn đề lý luận về quản trị CTCP, trong đó có phân tích một số quy định có liên quan đến tổ chức quản lý CTCP; Những vấn đề tập trung trong các nghiên cứu trên bao gồm:

- + Phân tích lý luận, thực trạng pháp luật xung quanh vấn đề bảo vệ cổ đông và ảnh hưởng của các cơ quan nội bộ trong CTCP đến bảo vệ quyền lợi cho cổ đông.
- + Bình luận và đánh giá thực tiễn pháp luật Việt Nam theo các nguyên tắc quản trị công ty của OECD về đảm bảo quyền lợi của cổ đông.
- + Bình luận và đánh giá về vai trò của HĐQT, BKS trong quản trị công ty
- + Hoàn thiện và thực thi LDN trong vấn đề bảo vệ quyền lợi của cổ đông nhằm đáp ứng yêu cầu của hội nhập kinh tế quốc tế.

Ngoài ra còn có các công trình nghiên cứu là các bài viết trên các tạp chí chuyên ngành luật có liên quan đến đề tài pháp luật CTCP, có thể kể đến như:

Biện pháp bảo vệ cổ đông, thành viên công ty: Lí luận và thực tiễn đăng ở Tạp chí Luật học, số 3, năm 2011, tr.10-17; *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về bảo vệ cổ đông thiểu số* đăng ở Tạp chí Khoa học pháp lý, số 3, năm 2010, tr.24-32; *Khởi kiện người quản lý công ty: Một số vấn đề lý luận và thực tiễn trong pháp LDN Việt Nam*, Tạp chí Nhà nước và pháp luật, số 1, năm 2011, tr.29-36; *Kiểm soát các giao dịch có nguy cơ phát sinh tư lợi theo LDN năm 2005* của Thạc sỹ Trần Thị Bảo Ánh đăng ở Tạp chí Luật học, số 9, năm 2010, tr.19-27; *Bàn về quyền của cổ đông và Đại hội đồng cổ đông – Thực trạng và vấn đề cần khắc phục* của Tiến sỹ Nguyễn

Đình Cung đăng ở Tạp chí Chứng khoán, số 5, năm 2008, tr.5-7; Trần Thanh Tùng, *Vai trò của ban kiểm soát trong CTCP*, Bùi Xuân Hải (2006), *So sánh cấu trúc quản trị nội bộ của CTCP Việt Nam với các mô hình điển hình trên thế giới*, Tạp chí Khoa học pháp lý, số 6;

Qua việc phân tích giá trị của các kết quả thu được trong các công trình trên, Luận văn đã kế thừa được những kết quả của những nhà khoa học đi trước, cụ thể: các quy định về tổ chức quản lý trong CTCP theo LDN; các nghiên cứu về tổ chức quản lý CTCP ở trên thế giới; một số giải pháp về sửa đổi bổ sung LDN năm 2020... Hơn nữa, khi nền kinh tế thị trường phát triển mạnh mẽ thì môi trường kinh doanh và hoạt động của các CTCP cũng thay đổi. Do đó, điểm mới của Luận văn chính là vừa thực hiện nghiên cứu trên cơ sở nội dung của các đề tài nghiên cứu trước đây, kết hợp nghiên cứu trong thực tiễn hiện nay về tổ chức quản lý CTCP.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu đề tài

3.1. Mục đích nghiên cứu

Việc nghiên cứu đề tài này nhằm mục đích đưa ra các giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện về cơ cấu, tổ chức của CTCP.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu đề tài

Để đạt được mục đích trên, luận văn giải quyết được một số nhiệm vụ sau:

- Làm rõ vấn đề lý luận về khái niệm, các đặc trưng pháp lý của CTCP; quan niệm về cơ cấu, tổ chức của CTCP.
- Phân tích các khía cạnh pháp lý về cơ cấu, tổ chức của CTCP.
- Nghiên cứu, phân tích, đánh giá thực trạng pháp luật và thực tiễn thực hiện pháp luật về cơ cấu, tổ chức của CTCP tại Thành phố Đà Nẵng để chỉ ra những kết quả đạt được cũng như những tồn tại, hạn chế và luận giải nguyên nhân của chúng.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Luận văn sẽ tập trung nghiên cứu các quy định của pháp luật về cơ cấu, tổ chức của CTCP. Đồng thời, tác giả đi vào nghiên cứu thực tiễn áp dụng các quy định pháp luật về cơ cấu, tổ chức của CTCP tại Thành phố Đà Nẵng để làm cơ sở phân tích những tồn tại, hạn chế và giải pháp góp phần hoàn thiện, nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật về CTCP.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

- *Phạm vi không gian*: Nghiên cứu quy định của pháp luật về CTCP trong phạm vi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và thực tiễn áp dụng tại thành phố Đà Nẵng.

- *Phạm vi thời gian*: Tác giả sẽ chủ yếu tập trung nghiên cứu thực tiễn áp dụng pháp luật về CTCP từ năm 2018 - 2021.

- *Về nội dung*: Đề tài tập trung nghiên cứu pháp luật về CTCP, thực tiễn áp dụng và đề xuất một số giải pháp góp phần hoàn thiện, nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật về CTCP trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

5.1. Phương pháp luận

Luận văn được thực hiện trên cơ sở của phương pháp luận là phép biện chứng duy vật và quan điểm của Đảng và Nhà nước về phát triển kinh tế, xã hội và đảm bảo sự phát triển trong sự nghiệp xây dựng đất nước về công ty Cổ phần.

5.2. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp phân tích được sử dụng nhằm đánh giá các vấn đề lý luận, các quy định của pháp luật cũng như thực tiễn thực thi pháp luật về CTCP. Các yêu cầu của việc hoàn thiện quy định của pháp luật cũng như những đề xuất sửa đổi, bổ sung một số quy định của pháp luật về CTCP theo mục đích và nhiệm vụ mà đề tài đã đặt ra.

Phương pháp tổng hợp được sử dụng để đánh giá, tổng kết những vấn đề đã phân tích, chứng minh từ đó rút ra những kết luận, kiến nghị, giải pháp nhằm đạt được mục tiêu của đề tài.

Phương pháp kết hợp lý luận với thực tiễn, phương pháp lô gích để nghiên cứu từng vấn đề trong mối quan hệ chặt chẽ giữa lý luận với thực tiễn, giữa quan điểm, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước với thực tiễn áp dụng pháp luật đối với loại hình CTCP.

Phương pháp so sánh luật học được sử dụng trong quá trình phân tích những luận điểm khoa học của đề tài, từ đó rút ra những bài học kinh nghiệm, những kiến nghị phù hợp với thực tiễn Việt Nam hiện nay.

Phương pháp thống kê được áp dụng trong quá trình đánh giá thực tiễn áp dụng pháp luật về CTCP. Thông qua các số liệu thực tế về hành vi quảng cáo so sánh để thấy được những hạn chế, vướng mắc trong việc thực thi các quy định của pháp luật về CTCP.

Phương pháp quy nạp và phương pháp diễn dịch: Đề tài đi từ những vấn đề chung đến những vấn đề riêng, từ những hiện tượng riêng lẻ đến những cái chung.

6. Những đóng góp mới của đề tài

Luận văn là công trình khoa học nghiên cứu tương đối toàn diện và có hệ thống về pháp luật CTCP. Những đóng góp mới nổi bật của luận văn thể hiện ở những nội dung sau:

6.1. Về lý thuyết

Luận văn đã làm sáng tỏ một số vấn đề lý luận rất cơ bản, quan trọng về pháp luật CTCP, đặc biệt là vấn đề khái niệm CTCP; các đặc điểm đặc trưng của pháp lý về CTCP, nội dung pháp luật về cơ cấu, tổ chức CTCP, các yếu tố ảnh hưởng đến pháp luật và việc thực thi pháp luật về CTCP. Việc làm sáng tỏ những vấn đề lý luận này sẽ là cơ sở để tiếp cận các quy định của pháp luật hiện hành về CTCP, là định hướng cho việc kiến nghị hoàn thiện pháp luật về CTCP.

6.2. Về thực tiễn

Luận văn phân tích, đánh giá một cách tương đối, toàn diện thực trạng các quy định pháp luật Việt Nam về CTCP và thực tiễn thực hiện những năm gần đây, chỉ rõ những tồn tại, vướng mắc trong thực tiễn thực hiện pháp luật CTCP tại địa bàn thành phố Đà Nẵng từ đó góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động trong thực tiễn. Những kiến nghị này được đưa ra dựa trên cơ sở khoa học và thực tiễn, phù hợp với đường lối, chủ trương của Đảng về cải cách tư pháp và xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam xã hội chủ nghĩa cũng như đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

7. Kết cấu của đề tài

Ngoài lời nói đầu, mục lục và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung chủ yếu của luận văn được trình bày trong 3 chương:

Chương 1: Một số vấn đề lý luận pháp luật về cơ cấu, tổ chức của công ty cổ phần

Chương 2: Thực trạng pháp luật về cơ cấu, tổ chức của công ty cổ phần và thực tiễn áp dụng tại thành phố Đà Nẵng

Chương 3: Định hướng, giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về cơ cấu, tổ chức của công ty cổ phần tại thành phố Đà Nẵng

Chương 1

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN PHÁP LUẬT VỀ CƠ CẤU, TỔ CHỨC CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN

1.1. Khái niệm và đặc trưng pháp lý về công ty cổ phần

1.1.1. Khái niệm về công ty cổ phần

Theo quy định tại Điều 111 LDN 2020, CTCP là loại hình doanh nghiệp, trong đó:

1. CTCP là doanh nghiệp, trong đó:
 - a) Vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau gọi là cổ phần;
 - b) Cổ đông có thể là tổ chức, cá nhân; số lượng cổ đông tối thiểu là 03 và không hạn chế số lượng tối đa;
 - c) Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của doanh nghiệp trong phạm vi số vốn đã góp vào doanh nghiệp;
 - d) Cổ đông có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120 và khoản 1 Điều 127 của Luật này.
2. CTCP có tư cách pháp nhân kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.
3. CTCP có quyền phát hành cổ phần, trái phiếu và các loại chứng khoán khác của công ty.

1.1.2. Đặc trưng pháp lý về công ty cổ phần

Thứ nhất, công ty cổ phần là loại công ty đối vốn

Thứ hai, vốn điều lệ của công ty cổ phần được chia thành nhiều phần bằng nhau gọi là cổ phần

Thứ ba, công ty cổ phần có quyền phát hành cổ phần, trái phiếu và các loại chứng khoán để huy động vốn

Thứ tư, công ty cổ phần có tư cách pháp nhân kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

Thứ năm, chịu trách nhiệm hữu hạn về nợ

Thứ sáu, được tự do chuyển nhượng vốn CTCP được tự do chuyển nhượng cổ phần của mình, không bị hạn chế chuyển nhượng trừ 02 trường hợp.

1.2. Nội dung pháp luật về cơ cấu, tổ chức của công ty cổ phần

Theo khoản 1 điều 137 LDN 2020, CTCP có quyền lựa chọn một trong hai mô hình tổ chức sau đây:

<i>Mô hình 1</i>	<i>Mô hình 2</i>
- Đại hội đồng cổ đông; - Hội đồng quản trị; - Ban kiểm soát và Giám đốc hoặc Tổng giám đốc.	- Đại hội đồng cổ đông; - Hội đồng quản trị; - Giám đốc hoặc Tổng giám đốc.
Lưu ý: Trường hợp công ty có dưới 11 cổ đông và các cổ đông là tổ chức sở hữu dưới 50% tổng số cổ phần của công ty thì không bắt buộc phải có Ban kiểm soát.	Lưu ý: Trường hợp ít nhất 20% số thành viên Hội đồng quản trị phải là thành viên độc lập và có Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị.

- Đại hội đồng cổ đông

Các quy định về ĐHCĐ cần phải bảo vệ và tạo điều kiện cho việc thực hiện các quyền của cổ đông nhưng vẫn phải đảm bảo quyền tự chủ của các cơ quan khác trong CTCP. Theo quy định tại điều 138 LDN 2020 quy định như sau:

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của CTCP.

2. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Thông qua định hướng phát triển của công ty;
- b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
- c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
- d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định một tỷ lệ hoặc một giá trị khác;
- đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
- e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên gây thiệt hại cho công ty và cổ đông công ty;
- i) Quyết định tổ chức lại, giải thể công ty;
- k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- l) Phê duyệt quy chế quản trị nội bộ; quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- m) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của công ty, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết;
- n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật này và Điều lệ công ty.

- Hội đồng quản trị

Quy định về HĐQT phải có vai trò lãnh đạo chiến lược trong công ty và giám sát có hiệu quả đối với công tác quản lý công ty cũng như trách nhiệm của HĐQT trước công ty và các cổ đông. Theo thông lệ, HĐQT có thẩm quyền quyết định tất cả những vấn đề không thuộc thẩm quyền của ĐHCĐ và các thể chế khác trong công ty.

HĐQT hoạt động theo chế độ tập thể, tức là từng thành viên HĐQT không có thẩm quyền của HĐQT. Các thành viên HĐQT cũng thực thi quyền của mình thông qua các cuộc họp, các quyết định thường ghi nhận trong các biên bản họp HĐQT. Mỗi thành viên HĐQT có một phiếu bầu, không kể số cổ phần nắm giữ, không thể ủy quyền để bỏ phiếu như cổ đông.

HĐQT phải có khả năng ra các phán quyết độc lập đối với các vấn đề của công ty. Do vậy, thành phần của HĐQT cần phải đảm bảo một số lượng thích hợp các thành viên độc lập, không kiêm nhiệm. Thành viên HĐQT cần có khả năng thực hiện nhiệm vụ của mình một cách hiệu quả.

HĐQT chịu trách nhiệm xây dựng chiến lược của công ty và xác định các ưu tiên trong hoạt động kinh doanh của công ty, cũng như định hướng và kiểm soát

công tác quản lý và đưa ra quyết định về những vấn đề không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.

HDQT giám sát giám đốc (TGD) trong việc thực thi nghiêm chỉnh các chính sách đã được HDQT ban hành. Cũng thông qua giám sát, HDQT có thể hỗ trợ kịp thời giám đốc (TGD) trong việc thực thi. Việc hỗ trợ còn bao gồm việc HDQT kịp thời điều chỉnh các chính sách khi có những nhân tố tiêu cực mới đe dọa sự thành công của chính sách đó.

Ở Mỹ, nhiệm vụ của HDQT là hành động vì lợi ích của cổ đông, trong khi ở Hà Lan mục tiêu lại là đạt được sự cân bằng hợp lý trong ảnh hưởng của tất cả các cổ đông; ở Đức, các thành viên HDQT có nhiệm vụ không chỉ đối với cổ đông của công ty, luật pháp bắt buộc các doanh nghiệp lớn phải có đại diện người lao động trong HDQT.¹

Đối với các thành viên HDQT phải có trách nhiệm, bốn phạm chính sau:

- *Trung thành*

- *Mẫn cán và thận trọng*

- **Giám đốc/ Tổng giám đốc**

HDQT bổ nhiệm một người trong số họ hoặc thuê người khác làm Giám đốc hoặc Tổng giám đốc. Người đại diện theo pháp luật của công ty có thể là GD/TGD hoặc Chủ tịch HDQT tùy theo điều lệ quy định. Nếu điều lệ không quy định, GD/TGD đương nhiên là người đại diện theo pháp luật cho công ty.

- **Ban kiểm soát**

Ban kiểm soát có vai trò và địa vị ngang hàng với HDQT, cùng chịu trách nhiệm trước cổ đông trong thực hiện các quyền và nhiệm vụ của mình.

1.3. Pháp luật về cấu trúc quản trị nội bộ của các công ty cổ phần trên thế giới

Cấu trúc quản trị nội bộ của các CTCP trên thế giới, đặc biệt là các công ty niêm yết, thường theo một trong hai mô hình sau đây: (i) mô hình hội đồng đơn – hay còn gọi là hội đồng một tầng (unitary board hay one-tier board model), và (ii) mô hình hội đồng kép – hay còn gọi là hội đồng hai tầng (dual board hay two-tier board model). Nói đến cấu trúc hội đồng đơn hay kép là nói đến cấu trúc của bộ máy quản lý – điều hành của công ty, chứ không phải của toàn bộ cấu trúc quản trị công ty.

1.3.1. Cấu trúc hội đồng một tầng (one-tier board model)

Cấu trúc quản trị nội bộ theo mô hình hội đồng một tầng (hội đồng đơn) có trong luật công ty của hầu hết các nước thuộc hệ thống thông luật (common law) như Mỹ, Anh, Australia, New Zealand, Canada v.v.; cũng như không ít các nước thuộc dòng họ luật thành văn (civil law).

1.3.2. Cấu trúc hội đồng hai tầng (two-tier board model)

Cấu trúc hội đồng kép có nguồn gốc từ nước Đức, xứ sở của dòng họ luật German civil law. Lịch sử luật công ty của nhân loại không thể phủ nhận thực tế rằng người Đức, cùng với người Anh và người Mỹ đã đóng góp rất lớn cho sự hình thành và phát triển của các lý thuyết và nguyên tắc pháp lý của các mô hình công ty

¹ Ngân hàng thế giới (2002), *Báo cáo phát triển thế giới - Xây dựng thể chế hỗ trợ thị trường*, Nxb Chính trị Quốc gia, tr.88.

hiện đại ngày nay. Cấu trúc hội đồng kép với sự tham gia của người lao động trong các CTCP (*Aktiengesellschaft-AG*) đã từng được cho là trái tim của nền dân chủ công nghiệp Đức. Nó cũng phản ánh những ý niệm mang tính lý thuyết khác nhau về công ty giữa người Đức, một trường phái điển hình của dòng họ luật châu Âu lục địa, và Anh – Mỹ của dòng họ luật án lệ.

1.4. Các yếu tố ảnh hưởng đến pháp luật và thực thi pháp luật về cơ cấu tổ chức công ty cổ phần

Thứ nhất, mức độ tập trung sở hữu cổ phần của cổ đông trong công ty cổ phần

Thứ hai, hệ thống luật pháp

Kết luận chương 1

Qua nghiên cứu chương 1, tác giả luận văn rút ra một số kết luận sau:

- *Một là*, công ty ra đời là kết quả của việc thực hiện nguyên tắc tự do kinh doanh, tự do khế ước và tự do lập hội. Đặc trưng pháp lý của CTCP, gồm:

CTCP là loại công ty đối vốn;

Vốn điều lệ của CTCP được chia thành nhiều phần bằng nhau gọi là cổ phần;

CTCP có quyền phát hành cổ phần các loại để huy động vốn;

CTCP có tư cách pháp nhân.

- *Hai là*: tổ chức quản lý CTCP được hiểu là sự thiết lập, vận hành của các cơ quan quyền lực trong CTCP và mối quan hệ giữa các cơ quan quyền lực đó nhằm xác định mục tiêu, hình thành các công cụ để đạt được mục tiêu và giám sát việc thực hiện mục tiêu của công ty.

- *Ba là*, nội dung pháp luật về tổ chức quản lý CTCP, bao gồm:

Đại hội đồng cổ đông;

HĐQT;

Giám đốc/ Tổng giám đốc;

Ban kiểm soát.

- *Bốn là*, cấu trúc quản trị nội bộ của các CTCP trên thế giới, đặc biệt là các công ty niêm yết, thường theo một trong hai mô hình sau đây: (i) mô hình hội đồng đơn – hay còn gọi là hội đồng một tầng (unitary board hay one-tier board model), và (ii) mô hình hội đồng kép – hay còn gọi là hội đồng hai tầng (dual board hay two-tier board model)

- *Năm là*, các yếu tố ảnh hưởng đến cơ cấu tổ chức quản lý CTCP, bao gồm:

Mức độ tập trung sở hữu cổ phần của cổ đông trong CTCP;

Hệ thống luật pháp.

Chương 2

THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VỀ CƠ CẤU, TỔ CHỨC CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG TẠI THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

2.1. Thực trạng các quy định của pháp luật về tổ chức quản lý công ty cổ phần

2.1.1. Về Đại hội đồng cổ đông

Xét về khía cạnh tổ chức và kiểm soát các cơ quan trong công ty cổ phần, LDN 2020 đã quy định hợp lý thẩm quyền của ĐHĐCĐ, cách thức trình tự triệu tập họp ĐHĐCĐ, quyền dự họp, điều kiện, thể thức họp và thông qua quyết định của ĐHĐCĐ, tạo điều kiện cho việc thực hiện các quyền hạn chính đáng của các chủ sở hữu; bảo đảm đối xử công bằng giữa các chủ sở hữu, công khai thông tin và minh bạch hoá cơ chế quản trị công ty, các quyền của HĐQT và cơ chế giám sát HĐQT của chủ sở hữu trong cơ chế quản trị công ty... Đó là cơ sở pháp lý quan trọng và cụ thể nhất cho hoạt động của ĐHĐCĐ hiện nay, cụ thể:

Một là: thiết lập các thủ tục để thực hiện quyền của cổ đông và bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông

Hai là, thông qua định hướng phát triển của công ty và quyết định một số vấn đề quan trọng

Ba là, đánh giá hiệu quả quản lý điều hành của HĐQT, Giám đốc/Tổng giám đốc công ty và kiểm soát các giao dịch tư lợi

ĐHĐCĐ có thẩm quyền thông qua báo cáo tài chính hàng năm của công ty² Báo cáo tài chính hàng năm của công ty do HĐQT lập và gửi BKS để thẩm định. Bên cạnh việc xem xét và thông qua báo cáo tài chính, ĐHĐCĐ còn xem xét báo cáo đánh giá công tác quản lý và điều hành công ty. Các báo cáo này là cơ sở để ĐHĐCĐ đánh giá hiệu quả quản lý điều hành của HĐQT, GD/TGD công ty, quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT, GD/TGD, quyết định khen thưởng hay quy trách nhiệm vật chất đối với các chức danh này³

Bốn là, cơ chế thông tin cho các chủ thể bên ngoài công ty (cơ chế công khai báo cáo tài chính hàng năm cho cơ quan thuế và cơ quan đăng ký kinh doanh); quy định về việc kiểm soát các hợp đồng với người có liên quan.

LDN 2020 cũng quy định một số hợp đồng, giao dịch với người liên quan, bên liên quan phải được phê duyệt. Theo đó, hợp đồng, giao dịch giữa công ty với các đối tượng sau đây phải được Hội đồng thành viên chấp thuận: (Thành viên, người đại diện theo ủy quyền của thành viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, người đại diện theo pháp luật của công ty; Người có liên quan của người quy định tại điểm a khoản này; Người quản lý công ty mẹ, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ; Người có liên quan của người quy định tại điểm c khoản này; Người nhân danh công ty ký kết hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho các thành viên Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan và lợi ích có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch dự định tiến hành. Trường hợp Điều lệ công ty không quy định khác thì Hội đồng thành viên phải quyết định chấp thuận hoặc không chấp thuận hợp

² Điểm e khoản 2 Điều 138 LDN 2020

³ Từ Thảo, *Cấu trúc quản trị công ty cổ phần theo Luật Doanh nghiệp*, <http://thongtinphapluatdansu.wordpress.com/2010/05/05/4790/>.

đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo và thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 59 của Luật này. Thành viên Hội đồng thành viên có liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không được tính vào việc biểu quyết; Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu theo quyết định của Tòa án và xử lý theo quy định của pháp luật khi được ký kết không đúng quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này. Người ký kết hợp đồng, giao dịch, thành viên có liên quan và người có liên quan của thành viên đó tham gia hợp đồng, giao dịch phải bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.⁴

Thông qua việc yêu cầu công bố thông tin thay vì hạn chế một số loại giao dịch, các cơ quan quản lý không đưa ra quan điểm liệu giao dịch bên liên quan có lợi hay bất lợi đối với công ty hay không. Người sử dụng báo cáo tài chính sẽ sử dụng xét đoán của mình để đánh giá xem các giao dịch với bên liên quan được trình bày trên báo cáo tài chính có hợp lý hay không hoặc có xung đột lợi ích tiềm tàng hay không⁵.

2.1.2. Về Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.⁶

HDQT có không ít hơn ba thành viên, không quá mười một thành viên. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên HDQT theo quy định tại LDN 2020⁷ khác với LDN 2014 về việc quy định một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Đây là một tiến bộ lớn tạo cơ hội để cổ đông thiếu số tiền gần hơn vào bộ máy quản lý của công ty, trực tiếp giám sát các hoạt động của công ty, bảo đảm lợi ích chính đáng cho mình đồng thời thanh lọc bộ máy quản lý tránh trường hợp ngồi tại chỗ quá lâu ở 1 vị trí.

Nhiệm kỳ của thành viên HDQT, thành viên độc lập HDQT không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Số lượng, thời hạn cụ thể của nhiệm kỳ, số thành viên HDQT phải thường trú ở Việt Nam do Điều lệ công ty quy định. Đối với cơ cấu tổ chức quản lý của công ty gồm có: Đại hội đồng cổ đông, HDQT và giám đốc hoặc tổng giám đốc. Trong trường hợp này ít nhất 20% số thành viên HDQT phải là thành viên độc lập và có Ban kiểm toán nội bộ trực thuộc HDQT. Như vậy, có thể dễ dàng nhận thấy, vai trò của thành viên HDQT độc lập cũng nhằm bảo vệ quyền lợi của chủ sở hữu, kiểm soát hoạt động của bộ máy quản lý, điều hành doanh nghiệp.

HDQT hoạt động theo chế độ tập thể, tức là từng thành viên HDQT không có thẩm quyền của HDQT. Các thành viên HDQT cũng thực thi quyền của mình thông qua các cuộc họp, các quyết định thường ghi nhận trong các biên bản họp HDQT. Mỗi thành viên HDQT có một phiếu bầu, không kể số cổ phần nắm giữ, không thể ủy quyền để bỏ phiếu như cổ đông.

⁴ Điều 167 LDN 2020.

⁵ Hà Thu Thanh, *Giao dịch với bên liên quan – Thách thức đối với hoạt động quản trị công ty*, nguồn: <http://vneconomy.vn/doanh-nhan/giao-dich-voi-ben-lien-quan-thach-thuc-doi-voi-hoat-dong-quan-tri-cong-ty-20171012103422138.htm>, 12/10/2017 11:34.

⁶ Khoản 1 Điều 153 LDN 2020.

⁷ Điều 154 LDN 2020.

Khi thực hiện chức năng, quyền và nghĩa vụ của mình, HĐQT tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp nghị quyết do HĐQT thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ công ty gây thiệt hại cho công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết đó và phải đền bù thiệt hại cho công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông sở hữu cổ phần của công ty liên tục trong thời hạn ít nhất 01 năm có quyền yêu cầu HĐQT đình chỉ thực hiện nghị quyết nói trên.

Thành viên HĐQT có quyền yêu cầu GD (TGD), Phó giám đốc hoặc Phó tổng giám đốc, người quản lý các đơn vị trong công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty và của các đơn vị trong công ty. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên HĐQT⁸

Về việc bầu thành viên HĐQT, BKS: So với LDN 2014, LDN 2020 đã làm rõ thêm quy định về bầu dòn phiếu là một chế định đặc biệt để bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, tách bạch với cơ chế, yêu cầu, điều kiện để thông qua Nghị quyết theo quy định tại khoản 1 và 2 Điều 148 LDN 2020. Việc bổ sung khoản 6 về quyền biểu quyết đối với cổ phần phổ thông đã được lưu ký để phát hành Chứng chỉ ký quỹ không có quyền biểu quyết để tương thích với nội dung được sửa đổi tại Điều 113 nêu trên⁹.

LDN 2020 hiện chưa có quy định rõ ràng về trách nhiệm bồi thường của người quản lý doanh nghiệp trong trường hợp vi phạm trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ. So với LDN 2014, LDN 2020 đã quy định chi tiết hơn về trách nhiệm của người quản lý công ty (gồm thành viên HĐQT, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác một cách rõ ràng, cụ thể, chi tiết về trách nhiệm bồi thường của người quản lý công ty, tạo thuận lợi hơn cho cổ đông khởi kiện người quản lý và Tòa án, trọng tài trong xử lý tranh chấp có liên quan; phù hợp với thông lệ quốc tế tốt về quản trị doanh nghiệp¹⁰.

Bên cạnh đó, Chủ tịch HĐQT và các thành viên HĐQT đều phải chịu trách nhiệm khi không thực hiện việc triệu tập cuộc họp bất thường theo đúng quy định. Mặc dù Luật chưa có quy định trong việc xác định mức độ trách nhiệm để bồi thường của các thành viên HĐQT, nhưng đây là những quy định bổ sung nhằm bảo vệ tốt hơn quyền lợi hợp pháp của CĐTS.

2.1.3. Về Giám đốc (Tổng Giám đốc)

HĐQT bổ nhiệm một người trong số họ hoặc thuê người khác làm Giám đốc hoặc Tổng giám đốc. Giám đốc hoặc Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của công ty; chịu sự giám sát của HĐQT; chịu trách nhiệm trước HĐQT và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao. Nhiệm kỳ của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.¹¹

⁸ Điều 159 LDN 2020.

⁹ Khoản 3, Điều 148 LDN 2020

¹⁰ Điều 165 LDN 2020.

¹¹ Khoản 1,2 Điều 162 LDN 2020.

Đối với giám đốc, khi điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của công ty phải theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, hợp đồng lao động ký với công ty (nếu có) và quyết định của HĐQT. Nếu điều hành trái với quy định này mà gây thiệt hại cho công ty thì giám đốc hoặc tổng giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho công ty.¹²

2.1.4. Về Ban kiểm soát

Theo quy định LDN 2020, công ty cổ phần có quyền lựa chọn tổ chức quản lý và hoạt động theo một trong hai mô hình, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác.¹³

Thứ nhất, cơ cấu tổ chức quản lý của công ty cổ phần gồm có đại hội đồng cổ đông, HĐQT, giám đốc hoặc tổng giám đốc và ban kiểm soát (bắt buộc phải có với công ty có từ 11 cổ đông trở lên hoặc có cổ đông là tổ chức sở hữu từ 50% tổng số cổ phần của công ty).

Thứ hai, cơ cấu tổ chức quản lý của công ty gồm có: Đại hội đồng cổ đông, HĐQT và giám đốc hoặc tổng giám đốc. Trong trường hợp này ít nhất 20% số thành viên HĐQT phải là thành viên độc lập và có Ban kiểm toán nội bộ trực thuộc HĐQT.

Quyền và nghĩa vụ của BKS được quy định tại Điều 170 LDN 2020 và Điều lệ công ty. Theo đó:

1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty.

2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của công ty.

5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và tài liệu khác của công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật này.

6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật này, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát

¹² Khoản 4 Điều 162 LDN 2020.

¹³ Điều 137 LDN 2020.

quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.

7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.

8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 của Luật này phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của công ty.

10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.

11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

12. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật này, Điều lệ công ty và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

2.1.5. Đánh giá thực trạng quy định của pháp luật về cơ cấu, tổ chức của công ty cổ phần

Luật Doanh nghiệp 2020 ban hành đã có hiệu lực pháp luật từ ngày 01/01/2021 Luật đã không chỉ khắc phục các tình trạng những quy định cũ không còn phù hợp trong hoàn cảnh mới, tạo gánh nặng chi phí, thời gian cho doanh nghiệp trong việc tuân thủ; đảm bảo một số nội dung được sửa đổi để phù hợp với các quy định mới ban hành gần đây. So với Luật doanh nghiệp 2014, Luật doanh nghiệp 2020 đã có nhiều điểm mới, khắc phục những điểm không phù hợp trong các quy định pháp luật về cơ cấu, tổ chức của Công ty cổ phần. Cụ thể:

Thứ nhất, quyền của cổ đông phổ thông: Điều 114 LDN 2014 – Điều 115 LDN 2020.

Điều kiện để cổ đông hoặc nhóm cổ đông có một số quyền đặc biệt như: khởi kiện hủy bỏ nghị quyết ĐHCĐ, đề cử người vào HĐQT và BKS, yêu cầu triệu tập ĐHCĐ.....trước đây là phải nắm giữ tỷ lệ cổ phần ít nhất 10% trong công ty và sở hữu liên tục trong vòng ít nhất 06 tháng thì nay chỉ còn một điều kiện là nắm giữ tỷ lệ 5% cổ phần, cũng không cần phải liên tục trong 06 tháng.

Trước đây, Luật Doanh nghiệp 2014 quy định: Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên *trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng* hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn quy định tại Điều lệ công ty để có các quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 114 Luật này.

Tuy nhiên, theo Luật Doanh nghiệp 2020, cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty có quyền của cổ đông phổ thông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật này.

Thứ hai, cổ phần ưu đãi biểu quyết: Điều 116 LDN 2014 – Điều 116 LDN 2020.

Luật doanh nghiệp 2014 quy định cấm chuyển nhượng đối với cổ phần ưu đãi biểu quyết.

Luật doanh nghiệp 2020 không cấm toàn bộ mà cho phép cổ phần ưu đãi biểu quyết có thể chuyển nhượng theo bản án, quyết định của tòa án đã có hiệu lực pháp luật hoặc thừa kế. *Tuy nhiên luật lại không cấm các hình thức chuyển quyền khác như tặng cho, cầm cố, thế chấp...mặt khác, thừa kế không phải là chuyển nhượng như Luật doanh nghiệp 2020 quy định.*

Thứ ba, nghĩa vụ của Cổ đông phổ thông: Điều 115 LDN 2014 – Điều 119 LDN 2020.

Bên cạnh việc kế thừa quy định về nghĩa vụ của cổ đông phổ thông tại Điều 115 Luật Doanh nghiệp 2014, Luật Doanh nghiệp 2020 bổ sung thêm nội dung sau:

“Bảo mật các thông tin được công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.”

Thứ tư, ủy ban kiểm toán: Điều 134 LDN 2014 – Điều 137, 161 LDN 2020.

Luật doanh nghiệp 2020 đổi tên gọi Ban kiểm toán trong Luật doanh nghiệp 2014 thành Ủy ban kiểm toán. Luật doanh nghiệp 2020 có riêng một điều luật (điều 161) quy định về Ủy ban kiểm toán, các nội dung khác về cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ giao cho doanh nghiệp tự quy định.

(Bổ sung này giúp cho doanh nghiệp phân biệt được Ủy ban kiểm toán theo Luật doanh nghiệp và Bộ phận kiểm toán nội bộ theo Nghị định 05/2019.)

Thứ năm, điều kiện tiến hành họp cổ đông và thông qua Nghị quyết ĐHCĐ: Điều 141, 144 LDN 2014 – điều 145, 148 LDN 2020

Tỷ lệ cổ đông dự họp để đủ điều kiện tổ chức cuộc họp và tỷ lệ cổ đông dự họp để thông qua Nghị quyết của ĐHCĐ với một số nội dung thông thường và lấy ý kiến bằng văn bản được điều chỉnh tỷ lệ “từ 51% trở lên” xuống còn “trên 50%”.

Luật doanh nghiệp 2020 bổ sung thêm quy định “Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi đến quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản”

Thứ sáu, hội đồng quản trị: Điều 149 LDN 2014 – Điều 153 LDN 2020.

Khoản 4 điều 153 LDN 2020 quy định bất cứ cổ đông nào cũng có quyền yêu cầu khởi kiện hủy bỏ Quyết định, Nghị quyết của Hội đồng quản trị thay vì chỉ Cổ đông sở hữu cổ phần liên tục trong 01 năm như Luật doanh nghiệp 2014. Luật doanh nghiệp 2020 quy định thành viên độc lập Hội đồng quản trị không được tham gia HĐQT quá 02 nhiệm kỳ liên tục thay vì không hạn chế như trước đây.

Luật doanh nghiệp 2020 bỏ quy định các giấy tờ, giao dịch của công ty phải ghi rõ “thành viên độc lập” trước họ, tên của thành viên Hội đồng quản trị tương ứng như khoản 4 điều 150 Luật doanh nghiệp 2014.

2.2. Thực tiễn hoạt động Đại hội đồng cổ đông của công ty cổ phần tại thành phố Đà Nẵng

Họp ĐHCĐ thường niên luôn thu hút sự quan tâm của rất nhiều cổ đông, nhà đầu tư vì thông qua đại hội, HĐQT tổng kết thành quả lao động trong năm

vừa qua, tổng kết những kết quả tốt và đưa ra giải thích trước cổ đông khi kết quả kinh doanh xấu đi. Bên cạnh đó, nhà đầu tư có thể biết được tất cả vấn đề của một công ty từ kết quả kinh doanh, các dự án và chiến lược phát triển trong năm tới, các kế hoạch huy động vốn mới, xem xét báo cáo đánh giá công tác quản lý và điều hành công ty. Các báo cáo này là cơ sở để ĐHĐCĐ đánh giá hiệu quả quản lý điều hành của HĐQT, GD (TGD) công ty, quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT, GD (TGD), quyết định khen thưởng hay quy trách nhiệm vật chất đối với các chức danh này một cách chi tiết cụ thể.

2.2.1. Thực tiễn hoạt động Hội đồng quản trị của công ty cổ phần tại Thành phố Đà Nẵng

Về mặt lý luận, HĐQT chịu trách nhiệm xây dựng chiến lược của công ty và xác định các ưu tiên trong hoạt động kinh doanh của công ty, cũng như định hướng và kiểm soát công tác quản lý và đưa ra quyết định về những vấn đề không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. Do vậy, các quy định về HĐQT phải có vai trò lãnh đạo chiến lược trong công ty và giám sát có hiệu quả đối với công tác quản lý công ty cũng như trách nhiệm của HĐQT trước công ty và các cổ đông; HĐQT phải có khả năng ra các phán quyết độc lập đối với các vấn đề của công ty; thành viên HĐQT cần có khả năng thực hiện nhiệm vụ của mình một cách hiệu quả. và kiểm soát công tác quản lý và đưa ra quyết định về những vấn đề không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.

2.2.2. Thực tiễn hoạt động của Giám đốc/ Tổng Giám đốc công ty cổ phần tại Thành phố Đà Nẵng

Sự phát triển của các CTCP phụ thuộc rất lớn vào đạo đức kinh doanh, kiến thức và khả năng cũng như tinh thần trách nhiệm của đội ngũ những người quản lý, điều hành doanh nghiệp. Điều 165 LDN 2020 đã quy định chi tiết hơn về trách nhiệm của người quản lý công ty (gồm thành viên HĐQT, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác) có trách nhiệm bảo đảm quyền và lợi ích của cổ đông và công ty theo nguyên tắc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của công ty theo đúng quy định của Luật. Nhưng hiệu quả điều chỉnh của những quy định nói trên về nghĩa vụ của người quản lý công ty ở Việt Nam chẳng thể như mong đợi.

2.2.3. Thực tiễn hoạt động của Ban kiểm soát công ty cổ phần tại thành phố Đà Nẵng

Luật Doanh nghiệp 2020 đã bổ sung nhiều quy định với nội dung tương đối chi tiết và rõ ràng về địa vị pháp lý, cơ cấu, quyền và nhiệm vụ, cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Mục đích của sự thay đổi đó là nhằm nâng cao hiệu lực và hiệu quả của Ban kiểm soát trong kiểm soát nội bộ công ty. Tuy vậy, thực tế cho đến nay có thể nói, kiểm soát nội bộ trong các công ty nói chung và CTCP nói riêng vẫn còn hình thức và kém hiệu lực.

2.3. Nguyên nhân của những vướng mắc về thực hiện pháp luật công ty cổ phần

Hệ thống cơ cấu tổ chức, quản lý của ty cổ phần đã hình thành cơ bản các yếu tố đòn bẩy khuyến khích những người trong nội bộ doanh nghiệp; hạn chế những hành vi lợi dụng quyền hạn và chức vụ để thu lợi cho cá nhân tổn hại tới lợi ích chung; tạo điều kiện để những người trong nội bộ bao gồm cả chủ sở hữu thực hiện

đầy đủ nhiệm vụ và quyền hạn của mình góp phần tiết kiệm chi phí, thực hiện được chỉ tiêu lợi nhuận và nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty. Tuy nhiên, đã xảy ra nhiều vụ tranh chấp nội bộ của công ty cổ phần trong thời gian qua. Nguyên nhân xảy ra các tình trạng trên là do:

- Luật chưa tạo ra hành lang pháp lý vững chắc để định rõ quyền hạn và nghĩa vụ giữa các cổ đông, cơ quan trong công ty như ĐHĐCĐ, HĐQT, BKS, Giám đốc/TGD điều hành.

- Về phía bản thân các CTCP

Chưa áp dụng các quy tắc, chuẩn mực quản trị công ty tốt theo thông lệ quốc tế; chưa tạo điều kiện cho cổ đông tiếp cận thông tin công bố và nhận các thông tin trọng yếu của DN; chưa tạo điều kiện cho cổ đông thiểu số thực hiện quyền của họ thông qua việc cung cấp tài liệu họp đại hội đồng cổ đông và các báo cáo bằng tiếng Việt và tiếng Anh; chưa áp dụng các phương pháp tổ chức ĐHĐCĐ khác nhau như: E-Voting, họp ĐHĐCĐ trực tuyến, từ xa... để cổ đông có thể tiếp cận thông tin thuận tiện, nhanh chóng cũng như nâng cao khả năng thực hiện quyền của cổ đông.

- Về phía cổ đông, người quản lý CTCP

Do việc chấp hành quy định và sự tự giác chưa cao của người quản lý CTCP cũng như sự thiếu hiểu biết quyền của các cổ đông được quy định trong luật để có thể thực hiện và bảo vệ quyền lợi chính đáng của mình.

Kết luận chương 2

Từ việc nghiên cứu về thực trạng pháp luật và thực tiễn áp dụng các quy định về tổ chức quản lý CTCP, chúng tôi rút ra một số kết luận như sau:

Thứ nhất, hệ thống cơ cấu tổ chức, quản lý của CTCP đã hình thành cơ bản các yếu tố đòn bẩy khuyến khích những người trong nội bộ doanh nghiệp; hạn chế những hành vi lợi dụng quyền hạn và chức vụ để thu lợi cho cá nhân tổn hại tới lợi ích chung; tạo điều kiện để những người trong nội bộ bao gồm cả chủ sở hữu thực hiện đầy đủ nhiệm vụ và quyền hạn của mình góp phần tiết kiệm chi phí, thực hiện được chỉ tiêu lợi nhuận và nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty.

Thứ hai, một số nội dung nghiên cứu về thực tiễn áp dụng các quy định về tổ chức quản lý CTCP có viện dẫn các vụ việc thực tế để chứng minh cho các lập luận và qua đó phân tích nguyên nhân của những vướng mắc về thực hiện các quy định tổ chức quản lý công ty cổ phần.

Thứ ba, LDN 2020 đã tạo ra hành lang pháp lý vững chắc để định rõ quyền hạn và nghĩa vụ giữa các cổ đông, cơ quan trong công ty như ĐHĐCĐ, HĐQT, BKS, Giám đốc/TGD điều hành.

Chương 3

ĐỊNH HƯỚNG, GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ CƠ CẤU, TỔ CHỨC QUẢN LÝ CTCP TẠI THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

3.1. Định hướng hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện về tổ chức quản lý CTCP

- Thứ nhất, việc hoàn thiện các quy định của pháp luật về tổ chức quản lý CTCP phải căn cứ vào những đặc điểm của nền kinh tế thị trường Việt Nam.

Thứ hai, hoàn thiện các quy định của pháp luật về tổ chức quản lý CTCP phải phải đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế

Thứ ba, hoàn thiện các quy định của pháp luật về tổ chức quản lý CTCP phải phải đặt trong mối quan hệ hài hòa về quyền lợi với các bên liên quan

3.2. Giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện về tổ chức quản lý CTCP

3.2.1. Giải pháp hoàn thiện pháp luật về cơ cấu, tổ chức công ty cổ phần

Ngày 01/01/2021, LDN 2020 có hiệu lực pháp luật. Cho đến thời điểm này, đã hơn 03 tháng được áp dụng, chưa đủ cơ sở để đánh giá tính hiệu quả, khả thi hay không. Tuy nhiên, dưới góc nhìn của một người phân tích, đánh giá, tác giả đưa ra một số nhận định mang tính chủ quan để đề xuất một số nội dung mà theo tác giả nó cũng ít nhiều ảnh hưởng nếu thực tế phát sinh.

- Thứ nhất, khái niệm người có liên quan

Cá nhân, tổ chức hoặc nhóm cá nhân, tổ chức “có khả năng chi phối hoạt động” của một công ty thông qua sở hữu, thuê tóm cổ phần, phần vốn góp hoặc thông qua việc ra quyết định của công ty là “người có liên quan” theo quy định tại khoản 23 điều 4 LDN 2020.

Có thể lấy ví dụ về việc áp dụng quy định này như sau: Chẳng hạn như một cổ đông chỉ sở hữu 9% cổ phần phổ thông của công ty, giao dịch giữa cổ đông này và công ty có thể sẽ không cần phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị công ty chấp thuận (Điều 167 LDN 2020). Tuy nhiên, nếu cổ đông này có tham gia vào thỏa thuận cổ đông với một hoặc một số cổ đông khác, làm cho nhóm cổ đông đó có khả năng chi phối hoạt động của công ty thì với định nghĩa mới về “người có liên quan” nói trên những cổ đông tham gia thỏa thuận trở thành “người có liên quan”, và từ đó khiến cho bất kỳ giao dịch nào giữa cổ đông 9% kia và công ty sẽ cần phải có được sự chấp thuận nội bộ.

Một ví dụ nữa là một người nhờ người khác đứng tên thành lập công ty, còn mình thì đứng sau thực chất điều hành và quản lý công ty. Vậy thì giao dịch giữa công ty với người đó (người ẩn danh) hoặc người có liên quan của người đó có thể sẽ cần phải có được sự chấp thuận nội bộ của công ty. Thêm một ví dụ nữa là một người sắp mua cổ phần mới phát hành thêm của công ty, giữa người này và cổ đông hiện hữu của công ty có một thỏa thuận giúp họ có khả năng chi phối hoạt động của công ty, khi đó cổ đông hiện hữu có thể sẽ không được quyền biểu quyết về giao dịch phát hành cổ phần giữa công ty và cổ đông mới.

Thực tế, quy định mới này sẽ không dễ dàng giải thích được vai trò của định nghĩa này. Lý do là, nếu theo đúng câu chữ của Luật, khác với Luật Chứng khoán,

khoản 4 điều 23 LDN 2020 mới chỉ giúp xác định những người có liên quan của một doanh nghiệp chứ không phải là người có liên quan của một cá nhân, cũng không phải là tạo nên mối quan hệ người có liên quan giữa các tổ chức và cá nhân.

Ngoài ra, Luật mới cũng không giải thích như thế nào là cá nhân, tổ chức đó được xem là “có khả năng chi phối hoạt động” của công ty. Có lẽ khi áp dụng Luật mới chúng ta phải nhìn sang Luật Cạnh tranh mà pháp phòng đoán định.

- *Thứ hai, quy định về 90 ngày góp vốn*

Thời hạn tối đa 90 ngày kể từ lúc công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp để thành viên, cổ đông góp vốn vẫn được giữ nguyên (Điều 47, 75, 113 LDN 2020). Nhưng dường như để đáp lại phàn nàn của cộng đồng doanh nghiệp rằng thời hạn ấy là quá ngắn ngủi, Luật mới rất “rộng lượng”, không tính thời gian vận chuyển, nhập khẩu tài sản góp vốn, thực hiện thủ tục hành chính để chuyển quyền sở hữu tài sản vào thời hạn này. Vấn đề là khi nào thì người góp vốn phải bắt đầu vận chuyển, nhập khẩu hay thực hiện thủ tục hành chính đó? Đặt ra thời hạn mà không có điểm bắt đầu thì khó mà xác định được khi nào mới hết khoảng thời gian đó. Và thật dễ tận dụng quy định này để kéo dài thời hạn góp vốn, chẳng hạn như đăng ký vốn góp bằng tiền thật nhỏ, bằng tài sản thật lớn. Như vậy, vốn đăng ký thật lớn nhưng vốn thực góp trong ba tháng đầu có thể rất nhỏ. Hoặc đăng ký vốn ban đầu nhỏ, đăng ký vốn góp thêm lớn hơn vì Luật mới vẫn không đặt ra thời hạn cho vốn góp thêm. Xét cho cùng những quy định không đến nơi đến chốn này là vấn đề nhỏ, nhưng lớn hơn là “sợ vốn ảo, thích vốn thật” vẫn còn đó. Như vậy, liệu có giúp giảm tình trạng nhiều doanh nghiệp “vô chủ” bỏ lại đằng sau hàng nghìn công nhân “tay không bảo hiểm”? Câu trả lời có lẽ là không.

- *Thứ ba, quyền tiếp cận thông tin của cổ đông*

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty có quyền sau đây xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác (Điều 115). Luật mới loại trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của công ty ra khỏi phạm vi của điều này, tức là cổ đông sẽ không có quyền tiếp cận loại tài liệu này. Vấn đề thế nào là “bí mật thương mại” vì luật chuyên ngành là Luật Sở hữu trí tuệ chỉ quy định về “bí mật kinh doanh”. Như vậy, công ty có thể lạm dụng loại trừ này để cho rằng một tài liệu nào đó là bí mật thương mại để từ chối không cho cổ đông tiếp cận.

Ngoài ra, phạm vi loại trừ là quá rộng. Một tài liệu, chẳng hạn như một bản hợp đồng nào đó phải được Hội đồng quản trị thông qua, có thể chứa đựng (hay như ngôn từ của Luật là “liên quan đến”) bí mật thương mại, bí mật kinh doanh. Tuy nhiên, thông tin mà cổ đông cần biết trong tài liệu đó không nhất thiết phải là bí mật thương mại, bí mật kinh doanh nào cả mà là những thông tin khác. Như vậy, loại trừ toàn bộ nội dung của tài liệu ấy là không cần thiết, bất hợp lý và thu hẹp quyền tiếp cận thông tin của cổ đông.

- *Thứ tư, quyền khởi kiện của cổ đông*

Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu ít nhất 1% tổng số cổ phần phổ thông có quyền tự mình hoặc nhân danh công ty khởi kiện trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm liên đới đối với các thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc để yêu cầu

hoàn trả lợi ích hoặc bồi thường thiệt hại cho công ty hoặc người khác (Điều 166). “Hoặc người khác” là cụm từ mới được thêm vào. Điều này không hợp lý.

- Luật không nói rõ “người khác” ở đây là ai và quyền khởi kiện của cổ đông, nhóm cổ đông này khác gì với quyền khởi kiện (chẳng hạn như kiện để đòi bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng) của chính những “người khác” đó. Nếu như “người khác” đó bị thiệt hại, tại sao những đối tượng này không tự mình, trực tiếp khởi kiện mà lại phải nhờ tới cổ đông, nhóm cổ đông đó, lại có thể nhân danh công ty để kiện?

- Tại sao cổ đông, nhóm cổ đông đó khởi kiện vì quyền lợi cho “người khác” chứ không phải của công ty mà chi phí khởi kiện lại được tính vào chi phí của công ty, hay nói cách khác là sẽ được công ty hoàn lại?

- Sẽ có nhiều trường hợp việc khởi kiện sẽ xảy ra xuất phát từ việc thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc đang thực hiện vai trò của mình trong công ty. Khi đó, hành động hay quyết định của họ sẽ có giá trị ràng buộc công ty, nhân danh công ty và vì lợi ích của công ty. Nếu hành động hay quyết định đó gây thiệt hại cho “người khác”, theo tư duy thông thường, “người khác” đó phải kiện công ty. Nếu công ty phải bồi thường thiệt hại cho “người khác”, tới lượt mình, công ty có thể kiện Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc để yêu cầu bù đắp cho công ty khoản tiền mà công ty đã phải bồi thường cho “người khác” đó và những thiệt hại khác phát sinh từ vụ kiện của “người khác” đó.

3.2.2. Giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện về tổ chức quản lý CTCP

Một là, cần nâng cao tổ chức hoạt động của Đại hội đồng cổ đông

Hai là, cần tăng cường tính minh bạch trong các thỏa thuận giữa cổ đông và công ty thông qua Điều lệ công ty.

Kết luận chương 3

Qua nghiên cứu chương 3, chúng tôi rút ra một số kết luận như sau:

1. Hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện về tổ chức quản lý CTCP theo các định hướng sau đây:

Hoàn thiện các quy định của pháp luật về tổ chức quản lý CTCP phải căn cứ vào những đặc điểm của nền kinh tế thị trường Việt Nam.

Hoàn thiện các quy định của pháp luật về tổ chức quản lý CTCP phải phải đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế.

Hoàn thiện các quy định của pháp luật về tổ chức quản lý CTCP phải phải đặt trong mối quan hệ hài hòa về quyền lợi với các bên liên quan như các cổ đông lớn, Ban kiểm soát, HĐQT...

2. Các giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện về tổ chức quản lý CTCP đều được xây dựng và bám sát vào những định hướng đã được đề ra.

KẾT LUẬN

Tổ chức quản lý CTCP là một chế định quan trọng trong pháp luật về CTCP. Nó không chỉ liên quan trực tiếp đến các cổ đông sáng lập của công ty mà còn là vấn đề của các nhà đầu tư, chủ nợ, người cung ứng hàng hóa... Vì vậy, việc nghiên cứu về tổ chức quản lý CTCP là hết sức cần thiết.

Trong quá trình nghiên cứu, tác giả đã làm sáng tỏ một số vấn đề lý luận và thực tiễn về tổ chức quản lý CTCP. Trên cơ sở đó, tác giả đưa ra một số kết luận sau:

Thứ nhất, hệ thống cơ cấu tổ chức quản lý trong CTCP được quy định tại LDN 2014 đã định rõ quyền hạn và nghĩa vụ giữa cơ quan trong công ty như ĐHĐCĐ, HĐQT, GD (TGD) và BKS. Các cơ quan này có sự độc lập tương đối trong hoạt động và chi phối lẫn nhau. Đồng thời, đảm bảo cho cổ đông quản lý, giám sát một cách tốt nhất với các nhà quản trị điều hành công ty.

Thứ hai, luận văn đã phân tích một cách khá đầy đủ về những hạn chế của việc tổ chức quản lý CTCP và chỉ ra các nguyên nhân dẫn đến các hạn chế đó.

Thứ ba, luận văn đã đưa ra một số giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện về tổ chức quản lý CTCP trên cơ sở tương thích với những nguyên tắc đã được thừa nhận rộng rãi trên thế giới và phù hợp với hoàn cảnh cụ thể của Việt Nam (trình độ phát triển kinh tế xã hội, tâm lý và văn hóa kinh doanh). Bởi vì, *"đằng sau cái biển CTCP là những thói quen kinh doanh cũ của người Phương Đông. Vậy nên từ việc biên soạn pháp luật, cho đến khi hành nghề luật sư, nếu không hiểu lệ của người nước mình thì không thể thành công"*¹⁴.

¹⁴ Phạm Duy Nghĩa (2003), *Buôn có bạn, bán có phường: Vai trò của truyền thống văn hóa Phương Đông đối với liên kết doanh nghiệp*, Tạp chí Nghiên cứu pháp luật, số 2, tr.14.